

Bản án số: 209/2018/HS-ST
Ngày 16 - 8 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm;
2. Ông Nguyễn Đức Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lạc Văn T**, sinh năm 1988, tại tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lạc Văn P và bà Triệu Thị L; Tiền án, Tiền sự: Không.

*** Về nhân thân:**

Tại bản án số 62/2009/HSST ngày 21/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Đắk M, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã được xóa án tích.

Ngày 07/02/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc", thời gian chấp hành 16 tháng, tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/4/2018 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

2. Họ và tên: **Tô Văn T1**; sinh năm 1978, tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình học vấn: 10/12; Con ông Tô Văn C và bà Trần Thị T (đã chết); Vợ tên Hồ Thị T2 và 03 con; Tiền án; Tiền sự: Không.

* Về nhân thân:

Ngày 07/02/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc" thời gian chấp hành 16 tháng, tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: Xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/4/2018 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lạc Văn T:* Bà Nguyễn Thị Bích N- Là Trợ giúp viên pháp lý - Công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Công ty cổ phần đầu tư Công nghệ Đức T; Địa chỉ: Tòa nhà L, đường k, phường N, Quận T, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017). (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1993; Địa chỉ: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Lâm Thị Lệ T3; Địa chỉ: đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

3. Anh Phạm Văn T4; Địa chỉ: xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Võ Thị Thùy G; Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

2. Chị Võ Thị Thùy D; Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn P; Địa chỉ: xã Hòa P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lạc Văn T và Tô Văn T1 đều là những đối tượng nghiện chất ma túy. Vào ngày 22/11/2017, T1 và T đi xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, biển số: 47L2- 6474, từ địa bàn huyện C, tỉnh Đắk Nông, đến địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để mua ma túy sử dụng. Chiều cùng ngày cả hai vào nhà nghỉ B, địa chỉ: Thôn 6, xã Hòa Phú, thành phố B, thuê phòng để ngủ lại.

Đến khoảng 09^h sáng ngày 24/11/2017, sau khi đi đến khu vực xã H, thành phố B, để đòi nợ nhưng không được, nên cả hai quay lại nhà nghỉ B. Khi về đến nhà nghỉ, T1 để xe mô tô phía trước nhà nghỉ và cùng T đi bộ vào trong. Lúc này, do lên cơn nghiện ma túy, nên T vào gặp chị Võ Thị Thùy D (là người quản lý nhà nghỉ) tại khu vực lễ tân để hỏi mượn tiền mua ma túy sử dụng, còn T1 thì đi vào trước. Chị D không cho T mượn tiền. T đi vào trong phòng nghỉ, thì thấy T1 đang ngồi tại khu vực bậc thềm trước phòng nghỉ số 1 của nhà nghỉ B, gần đó có 01 chiếc máy bơm thủy lực màu xanh da trời, của anh T2 (sinh năm 1993; trú tại: xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là khách thuê nghỉ tại phòng số 1). T liền nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy bơm này, để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. T nói với T1 "anh T1 ơi có cái bơm kìa", T1 quay qua nhìn thì T tiếp tục nói "mình lấy cái bơm này đi bán?", T1 đồng ý và nói T ra ngoài dắt xe của T1 vào trong, T đi ra dắt chiếc xe mô tô, biển số: 47L2- 6474 vào, rồi bê chiếc máy bơm của anh T2 để lên Gacbaga phía trước xe mô tô, lấy áo khoác của T phủ lên trên, nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô chở chiếc máy bơm và T đi về hướng thành phố B, tìm địa điểm bán chiếc máy bơm của anh T2. Trên đường đi do không có mũ bảo hiểm nên T1 đòi cho T điều khiển xe. Lúc này, T hỏi T1 "bán ở đâu đây?", thì T1 nói T chở đến khu vực chợ "Sắt" trên đường P, thành phố B. Khi đi đến chợ "Sắt", T1 ở ngoài trông coi xe, còn T bê chiếc máy bơm vào bán cho một người nam giới (không rõ nhân thân, lai lịch), lấy số tiền 500.000 đồng. Sau đó cả hai đi đến khu vực Cây số 3 (Km3), thành phố B, mua Heroin của một người nam giới hết 400.000 đồng và cùng nhau sử dụng, còn lại 100.000 đồng T1, T dùng đổ xăng xe và ăn uống hết. Đến khoảng 17^h cùng ngày, khi cả hai quay lại nhà nghỉ B, thì bị chị D và anh T2 cùng người dân giữ lại hỏi về việc trộm cắp chiếc máy bơm, thì T và T1 đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc máy bơm của anh T2. Đồng thời, T đưa anh T2 đến khu vực chợ "Sắt", để tìm chuộc lại chiếc máy bơm nhưng không gặp người đã mua chiếc máy bơm từ T. Do vậy, anh T2 đã trình báo vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, yêu cầu xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản, số: 311/KLĐG ngày 06 tháng 12 năm 2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 (một) chiếc bơm thủy lực PV2R23- 41- 116 - F - 1RAA, màu xanh da trời; trị giá: 13.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: 01 chiếc bơm thủy lực PV2R23-41-116-F-1RAA, là tài sản của Công ty cổ phần đầu tư Công nghệ Đức T (gọi tắt là Công ty Đức T) (trụ sở tại: Phường N, quận T, thành phố Hà Nội), ủy quyền cho anh T2 là công nhân của Công ty quản lý.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, biển số: 47L2- 6474, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản cáo trạng số 175/CT-VKSTP.BMT ngày 13 tháng 6 năm 2018 của

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Tp. B truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

Người bị hại Công ty Đức T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra yêu cầu Lạc Văn T và Tô Văn T1 phải bồi thường giá trị của chiếc bơm thủy lực T và T1 đã chiếm đoạt là 13.500.000đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 theo bản Cáo trạng số: 175/CT-VKSTP.BMT ngày 13 tháng 6 năm 2018 và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Đề nghị xử phạt: Lạc Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị xử phạt: bị cáo Tô Văn T1 mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải có có nghĩa vụ liên đới bồi thường trị giá thiệt hại về tài sản cho Công ty Đức T.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 41, 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Toàn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, biển số: 47L2- 6474, là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

* Người bào chữa cho bị cáo Lạc Văn T trình bày lời bào chữa: Đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã giúp Cơ quan Cảnh sát điều tra rút ngắn thời gian điều tra vụ án. Riêng bị cáo T là người dân tộc thiểu số, có bác ruột là liệt sỹ và cha bị cáo đang là người thờ cúng. Đề nghị HĐXX áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xem xét và giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội Dụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 thừa nhận hành vi của mình như nội Bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 09^h sáng ngày 24/11/2017, khi đang thuê trọ tại nhà nghỉ B, địa chỉ: xã H, thành phố B, Lạc Văn T rủ Tô Văn T1 trộm cắp 01 chiếc bơm thủy lực PV2R23-41-116-F- 1RAA, màu xanh da trời của Công ty Đức Thành, giao cho anh T2 quản lý, anh Nguyễn Văn T đang thuê trọ tại nhà nghỉ B. T và T1 dùng chiếc xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, biển số: 47L2-6474 của bị cáo Toàn, chở máy bơm đến khu vực chợ "Sắt" trên đường P, thành phố B bán. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá là 13.500.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý kết luận hành vi của các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Đánh giá tính chất hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức được rằng tài sản của công dân là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật với bản chất lười biếng lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty Đức T. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

* Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: Đối với bị cáo T có nhân thân xấu về hành vi chiếm đoạt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản

trộm cắp có giá trị không lớn. Riêng bị cáo T là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa không có, nên nhận thức hiểu biết về pháp luật hạn chế, bị cáo có bác ruột Lạc Văn C là Liệt sỹ, hiện nay cha bị cáo T (Lạc Văn P) đang hưởng trợ cấp và thờ cúng Liệt sỹ Lạc Văn C. Bị cáo Toàn là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy, bị cáo T được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Toàn được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, HĐXX xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nhận định trên, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Riêng bị cáo T là người có nhân thân xấu về hành vi chiếm đoạt, là người rủ rê lôi kéo bị cáo T1 phạm tội, nên cần xử phạt nghiêm khắc hơn.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Xét yêu cầu đòi bồi thường của Công ty Đức T về về trị giá chiếc bơm thủy lực PV2R23-41-116-F-1RAA bị chiếm đoạt mất, đối với các bị cáo là 13.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Căn cứ Khoản 1 Điều 584; Điều 587; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự Do vậy cần buộc các bị cáo phải có có nghĩa vụ liên đới bồi thường trị giá thiệt hại về tài sản cho Công ty Đức T, cụ thể chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 6.750.000đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T, chị Lâm Thị Lệ T3 và anh Phạm Văn T4 không có yêu cầu gì. Nên về trách nhiệm dân sự không xem xét, nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FULJIR, biển số: 47L2-6474, các bị cáo dùng làm phương tiện vào việc phạm tội, chiếc xe này do chị Lâm Thị Lệ T3 mua mới và đăng ký chủ sở hữu vào năm 2005. Trong quá trình sử dụng chị Thu bán cho người không rõ nhân thân, lai lịch. Sau đó, anh T4 mua lại chiếc xe này và bán cho bị cáo Tô Văn T1. Do vậy, căn cứ các Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tổ tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền buộc phải bồi thường tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là $6.750.000 \text{ đồng} \times 5\% = 337.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố: Bị cáo Lạc Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Lạc Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 09/4/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Tô Văn T1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam ngày 09/4/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Khoản 1 Điều 584; Điều 587; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 mỗi bị cáo phải bồi thường cho Công ty cổ phần đầu tư Công nghệ Đức T là 6.750.000 đồng (*Sáu triệu, bảy trăm lăm mươi nghìn đồng*), tiền thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Tô Văn T1: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FULJIR; Số loại: 110; Màu sơn: Xám đen; Dính xi lanh: 108; Loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm³; Số khung WCH032HC012445; Số máy 152FMH32131039; Biển số: 47L2- 6474. (*Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án*

dân sự thành phố B theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/6/2018 lưu tại hồ sơ vụ án).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lạc Văn T và Tô Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 337.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng các bị cáo T và T1 mỗi bị cáo phải chịu 537.500đồng (*Năm trăm, ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- THA phạt tù (Để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố B;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn